

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2020

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tinh phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Báo Nông thôn ngày nay, Báo Kinh tế nông thôn để tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, kế hoạch thực hiện Chương trình; tuyên truyền các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước, phản ánh tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương, tâm tư nguyện vọng của người dân, tuyên truyền về các mô hình, các cá nhân, tập thể điển hình trong xây dựng nông thôn mới.

Công thông tin điện tử về Chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP thường xuyên cập nhật, thông tin về tình hình triển khai thực hiện Chương trình nhờ đó đã thu hút được lượng truy cập cao.

Thông qua Đài truyền thanh xã, lồng ghép vào các buổi hội nghị, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, các buổi sinh hoạt khu dân cư, các địa phương cơ sở cũng tổ chức tuyên truyền vận động về vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và mỗi người dân về xây dựng nông thôn mới.

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, kiện toàn, cụ thể:

a) Về Ban Chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 thường xuyên kiện toàn, hiện nay Ban chỉ đạo tỉnh có 50 thành viên.

- Cấp huyện: UBND các huyện thành phố tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo. Đến nay cấp huyện 3/13 huyện, thị xã, thành phố chưa thành lập BCĐ chung cho 2 Chương trình MTQG, vẫn giữ nguyên BCĐ Chương

trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và thành phố Quảng Ngãi).

b) Về Bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối NTM tỉnh ổn định cơ cấu tổ chức, đáp ứng nhu cầu tham mưu giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh. Hiện nay, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh có 06 cán bộ chuyên trách.

- Cấp huyện: Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện thường xuyên được củng cố kiện toàn với 13 Chánh Văn phòng, 13 phó Chánh Văn phòng và mỗi huyện từ 1 – 2 cán bộ Chuyên trách NTM, hiện một số huyện đang thiếu cán bộ chuyên trách nông thôn mới do cán bộ chuyên trách, hợp đồng nghỉ việc.

- Cấp xã: Theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: Mỗi xã bố trí một công chức chuyên trách về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên trên thực tế xã chưa có công chức phụ trách nông nghiệp và phụ thuộc vào điều kiện của mỗi xã, công tác theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện Chương trình tại xã có thể do công chức kế toán, văn phòng hoặc địa chính đảm nhận.

3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

Trên cơ sở văn bản của Trung ương, 6 tháng đầu năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình năm 2020, hoàn thành nhiệm vụ giai đoạn 2016 – 2020; Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đối với các xã, huyện được hình thành sau khi sáp nhập.

Đã giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp Trung ương cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình

a) Kết quả đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình ở các cấp.

Văn phòng nông thôn mới tỉnh: Đã phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí để tiếp tục tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa chương trình; Tổ chức tham quan, trao đổi kinh nghiệm kết hợp hướng dẫn triển khai xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu cho 129 cán bộ xã, 116 cán bộ thôn theo kế hoạch thực hiện năm 2020. Các Hội đoàn thể tiếp tục tổ chức tuyên truyền thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới cho các hội viên.

UBND các huyện, thành phố: Đang triển khai tổ chức tham quan tập

huấn Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020; Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới trên đài Truyền thanh, lồng ghép trong các hội nghị, sinh hoạt thôn xóm để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia thực hiện Chương trình.

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Mặt được: Công tác tập huấn, bồi dưỡng đã được các Sở, ngành, hội đoàn thể, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện.

- Tồn tại, hạn chế: Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức việc tổ chức đào tạo, tập huấn có lúc, có nơi còn mang tính hình thức, ít hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

a) Kết quả chung

Có 100% số xã (148 xã) hoàn thành Quy hoạch chung và có đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã.

b) Về rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất, quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường trong đề án quy hoạch xã nông thôn mới:

Hiện UBND các huyện, thành phố đang chỉ đạo các xã rà soát điều chỉnh quy hoạch để đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo các huyện, thành phố rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg.

c) Đánh giá chung về kết quả thực hiện.

* Mặt được:

Các huyện, thành phố đã chỉ đạo các xã triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.

Sau quy hoạch các xã đã kịp thời tổ chức công bố quy hoạch, niêm yết công khai bản vẽ quy hoạch cho mọi người dân biết và thực hiện. Một số xã đã tổ chức thực hiện quy chế quản lý theo quy hoạch được duyệt, cấm mốc chỉ giới cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch.

* Tồn tại hạn chế:

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chậm so với yêu cầu; chất lượng quy hoạch còn nhiều hạn chế, chủ yếu tập trung vào quy hoạch phát triển hạ tầng với mong muốn được đầu tư, chưa xem xét, cân nhắc đến nguồn lực thực hiện và tính khả thi của quy hoạch;

- Quy hoạch phát triển sản xuất mang tính chung chung, chưa làm rõ thế mạnh của mỗi địa phương, chưa định hướng phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và ít khả thi.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ hạ tầng:

- Từ nguồn vốn đầu tư của Chương trình xây dựng nông thôn mới (ngân sách Trung ương, tỉnh) 6 tháng đầu năm 2020, UBND tỉnh đã phân bổ:

+ Trả nợ các công trình đầu tư năm 2019 còn thiếu vốn: 194 tuyến đường, 101 tuyến kênh, 70 nhà văn hóa xã, thôn, 54 trường học, 7 nghĩa trang, 3 hệ thống nước sinh hoạt, 3 điện, 2 chợ, 1 Hội trường UBND xã, 1 trạm y tế.

+ Triển khai đầu tư mới 478 công trình: 207 giao thông; 141 thủy lợi; 29 trường học; 78 cơ sở vật chất văn hóa; 5 nghĩa trang; 2 hệ thống nước sinh hoạt, 1 hệ thống thoát nước thải, 11 công trình điện, 1 Hội trường UBND xã, 3 chợ.

+ Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: 20.000 triệu đồng

+ Hỗ trợ xi măng làm giao thông nông thôn: 30.000 triệu đồng

+ Bố trí thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo: 61.540 triệu đồng.

b) Tổng vốn huy động xây dựng cơ sở hạ tầng

Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh đầu tư trực tiếp cho Chương trình xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2020: 642.220 triệu đồng, đã đầu tư:

- Giao thông: 209.283 triệu đồng

- Thủy lợi: 117.900 triệu đồng

- Trường học: 105.720 triệu đồng

- Cơ sở vật chất văn hóa: 77.855 triệu đồng

- Nghĩa trang: 5.520 triệu đồng

- Hệ thống nước sinh hoạt: 3.756 triệu đồng

- Hệ thống thoát nước thải: 1.000 triệu đồng

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 3.800 triệu đồng

- Điện: 5.356 triệu đồng

- Y tế: 490 triệu đồng

- Công trình cấp nước nông thôn: 20.000 triệu đồng

- Hỗ trợ xi măng làm giao thông nông thôn: 30.000 triệu đồng

- Bố trí thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo: 61.540 triệu đồng.

c) Đánh giá chung về thực hiện nhóm tiêu chí cơ sở hạ tầng

Nhóm 8 tiêu chí hạ tầng kinh tế xã hội (giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư), chiếm gần 90% tổng vốn đầu tư nhưng mức độ đạt tiêu chí nhóm này đến nay nhìn chung còn khá thấp: Giao thông: 94 xã, Thủy lợi: 121 xã, Điện: 144 xã, Trường học: 86 xã, Cơ sở vật chất văn hóa: 91 xã, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 143 xã, Thông tin và truyền thông: 142 xã, Nhà ở dân cư: 116 xã.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Vụ Đông Xuân 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai xây dựng được 56 cánh đồng lớn, với tổng diện tích là 1.494,2ha (trong đó: Sản xuất lúa 43 cánh đồng, diện tích 1.304,5ha; sản xuất lạc 08 cánh đồng, diện tích 139,7ha; sản xuất dưa hấu 05 cánh đồng, diện tích 50ha). Nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định tăng so với cùng kỳ năm 2019. Riêng đối với chăn nuôi heo, từ đầu năm đến cuối tháng 3/2020 vẫn còn ảnh hưởng dịch tả lợn Châu Phi nên giá heo cao, người chăn nuôi heo gặp khó khăn khi tái đàn do số lượng con giống thiếu hụt và đang ở mức cao. Giá trị sản xuất toàn ngành (giá ss 2010) 6 tháng đầu năm ước đạt 7.917 tỷ đồng, trong đó: nông nghiệp 4.139 tỷ đồng, lâm nghiệp 428 tỷ đồng, thủy sản 3.350 tỷ đồng. So với kế hoạch cả năm, giá trị sản xuất toàn ngành đạt 47,8%; so với cùng kỳ năm trước, giá trị sản xuất toàn ngành tăng 2,5%, trong đó: nông nghiệp tăng 0,48% (trồng trọt giảm 1,67%, chăn nuôi tăng 3,03%), lâm nghiệp giảm 9,53%, thủy sản tăng 6,98%.

- Về hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương, tỉnh thực hiện Chương trình năm 2020, UBND tỉnh đã phân bổ 93.890 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với 146 xã. Các mô hình dự án chủ yếu là mô hình chăn nuôi: bò lai sinh sản, hươu lấy nhung, gà an toàn sinh học, heo bản địa, dê ... và trồng trọt: trồng chuối, trồng cam, cau, hành ...

- Về hình thức tổ chức sản xuất:

Tính đến 6/2020 toàn tỉnh có 204 HTX Nông nghiệp, trong đó: 13

HTX trồng trọt, 1 HTX chăn nuôi, 02 HTX diêm nghiệp, 11 HTX nuôi trồng và khai thác thủy sản, 01 HTX lâm nghiệp và 176 HTX tổng hợp. Hầu hết các HTX đã chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX 2012, còn 6 HTX ngừng hoạt động lâu ngày đưa vào diện giải thể.

Liên kết trong sản xuất bước đầu đã hình thành và có bước phát triển mới. Liên kết giữa doanh nghiệp với người dân, hình thành các chuỗi giá trị phát triển bền vững theo hướng doanh nghiệp hóa sản phẩm. Các HTX thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm như: Trồng cây ăn quả bưởi, chôm chôm, quýt đường, ổi, dứa, xiêm,... Liên kết trồng và tiêu thụ lúa, gạo, nấm, rau an toàn, đậu phụng, khoai lang Nhật, nếp ngự... hình thành liên kết vùng trong sản xuất, điển hình liên kết cây trồng có thể mạnh, sản xuất rau sạch ở xã Nghĩa Hiệp; chăn nuôi: Gà thả đồi, gà kiến, chăn nuôi heo ky, bò, trâu... Một số mô hình liên kết có hiệu quả như: Liên kết giữa các hộ nông dân, HTX tại huyện Sơn Hà để cung cấp các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của huyện vào hệ thống siêu thị Big C: Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Quảng Ngãi...), liên kết sản xuất gạo hữu cơ giữa Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín, Công ty giống Thái Bình TBR với các HTX Hành Dũng, Hành Nhân, Đức Hòa, Bồ Đề...

- Về phát triển ngành nghề nông thôn:

Toàn tỉnh có khoảng 9.917 cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn, bao gồm: 138 doanh nghiệp, 47 Hợp tác xã, Tổ hợp tác và 9.602 cơ sở sản xuất ở quy mô hộ gia đình nằm phân tán, rải rác trong các khu dân cư, xóm, thôn, xã trên địa bàn tỉnh, giải quyết việc làm cho khoảng trên 16.000 lao động ở nông thôn, doanh thu ước đạt trên 2.573 tỷ đồng, thu nhập bình quân khoảng 3.5 – 4.5 triệu đồng/người/tháng.

UBND tỉnh đã công nhận: 01 làng nghề, 5 làng nghề truyền thống và 07 nghề truyền thống. Trong các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận có khoảng 623 cơ sở hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 2.500 lao động, doanh thu ước đạt hơn 160 tỷ đồng, thu nhập bình quân khoảng 4-4,5 triệu đồng/người/tháng.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

Chương trình mục tiêu quốc gia về lao động việc làm đã góp phần đáng kể trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Đào tạo nghề nông nghiệp với các nghề như: Trồng và khai thác rừng, trồng rau an toàn, sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, chăn nuôi gia súc gia cầm; kỹ thuật sơ chế bảo quản hoa màu, trồng nấm các loại và phòng chống dịch gia súc gia cầm. Tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề đạt tỷ lệ đạt khoảng 86%.

Nhiều hộ gia đình ở nông thôn có người lao động học nghề đã tự tạo được việc làm, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống. Một số lao động sau khi học

nghề đã huy động sự tham gia của các thành viên khác, thu hút lao động ở địa phương lập tổ sản xuất, giải quyết việc làm ở nông thôn, tăng thu nhập.

Đến 30/6/2020: 90 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, 137 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm, 116 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

- Khó khăn:

Vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến phát triển chưa ổn định, thiếu bền vững. Sản phẩm hàng hoá chưa nhiều, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp.

HTX nông nghiệp đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012, tuy nhiên hiệu quả chưa cao, HTX còn lúng túng trong tổ chức hoạt động, đa số chưa năng động trong phát triển kinh doanh, hạn chế trong việc tiếp cận thị trường. Số HTX có mối liên kết sản xuất tiêu thụ với các doanh nghiệp còn ít.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Về kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo: Đầu năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 33.381 hộ nghèo, tỷ lệ 9,39%, đến cuối năm 2019 hộ nghèo giảm xuống còn 27.964 hộ, tỷ lệ 7,69% (giảm 1,7% tương đương giảm 5.417 hộ nghèo) đạt 106,2% kế hoạch giao (kế hoạch 1,6%). Trong đó, hộ nghèo đầu năm 2019 của 06 huyện miền núi có 19.633 hộ, tỷ lệ 31,44%, đến cuối năm 2019 giảm xuống còn 16.763 hộ, tỷ lệ 26,41% (giảm 5,03% tương đương giảm 2.870 hộ nghèo), đạt 91,8% kế hoạch giao (kế hoạch 5,48%).

- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn:

Công tác đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm triển khai thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Giải quyết chính sách cho khoảng 1.720 người hưởng các chính sách, chế độ ưu đãi người có công cách mạng.

Trong 6 tháng đầu năm, các sở, ngành và địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo, kịp thời các chính sách giảm nghèo cho các đối tượng như: Chính sách tín dụng ưu đãi cho 19.286 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và chính sách khác với doanh số cho vay 740.385 triệu đồng; Xây dựng nhà ở cho 120 hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Dạy nghề cho 71 lao động là người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK thông qua Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn; Hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 19.958 học sinh, sinh viên với kinh phí 10.157 triệu đồng; Tổ chức trợ giúp pháp lý cho 77 lượt người nghèo, người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với kinh phí thực hiện 81 triệu đồng; Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 412.995 người nghèo, cận nghèo, DTTS và người sống ở xã ĐBKK, huyện đảo với kinh phí 347.542 triệu đồng; Hỗ trợ tiền điện cho 34.042 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội với kinh phí 11.546 triệu đồng và trợ cấp bảo trợ

xã hội cho 85.417 đối tượng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ với kinh phí 199.538 triệu đồng.

Đến 30/6/2020 có 89 xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

- Kết quả thực hiện:

Tiếp tục chỉ đạo triển khai tổ chức các hoạt động đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng về giáo dục nghề nghiệp năm 2020 và những năm tiếp theo. Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp học. Đến nay, có 173/173 đơn vị hành chính cấp xã, 13/13 huyện, thị xã, thành phố duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đạt phổ cập giáo dục THCS, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100%. Tính đến tháng 5/2020, có 89/215 trường Mầm non (tỷ lệ 41,39%), 125/163 trường Tiểu học (tỷ lệ 76,69%), 113/140 trường THCS (tỷ lệ 80,17%), 10/45 trường 02 cấp học TH-THCS (tỷ lệ 22,22%), 22/38 trường THPT (tỷ lệ 57,89%) đạt chuẩn quốc gia.

- Khó khăn: Công tác phát triển giáo dục ở nông thôn được quan tâm, tuy nhiên cơ sở vật chất ở nhiều trường còn chưa hoàn chỉnh, thiếu nhiều hạng mục, trong đó có hệ thống cấp nước, nhà vệ sinh, phòng phục vụ học tập, kể cả phòng học... đã ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng dạy và học.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố và phát triển. Ngành y tế đã và đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế hiện đại. Năng lực các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã được nâng lên. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng, chuyên môn cao tại các bệnh viện đã được chú trọng. 100% số trạm y tế xã có bác sĩ, đảm bảo thực hiện khám chữa bệnh ban đầu cho người dân. Trong 6 tháng đầu năm giảm 5 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế do sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, huyện, lũy kế 153/171 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt tỷ lệ 88,44%; tăng số giường bệnh/vạn dân lên 7,45. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91,2%.

Đến 30/6/2020 có 117 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

Trong thời gian qua, tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh". Triển khai công tác tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử- chính trị- xã hội trong 6 tháng đầu năm 2020 như: Mừng Đảng –

mừng xuân Canh Tý năm 2020; kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi... Tuy nhiên do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 nên các hoạt động văn hóa văn nghệ bị hạn chế.

Đến 30/6/2020 có 139 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

- Chương trình MTQG về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn tỉnh, UBND các xã tiếp tục tăng cường công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng và khai thác có hiệu quả các công trình cấp nước sạch tập trung hiện có trên địa bàn để ngày càng phục vụ tốt hơn về nhu cầu dùng nước của nhân dân ở những vùng hưởng lợi.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh ước tính tăng khoảng 3.956 hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Đưa tỷ lệ dân nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh tăng thêm là 0,8%, đạt 93,8% tương ứng 301.154/321.051 hộ dân nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Riêng Trung tâm Nước sạch và VSMTNT cung cấp khoảng 10.408 hộ và 01 cụm công nghiệp làng nghề Bình Sơn với tổng công suất 3.859m³/ngày đêm. So với cùng kỳ năm 2019 tăng 1.852 hộ, công suất tăng 724m³/ngày đêm.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp:

Cùng với hộ gia đình, các cấp chính quyền cũng đã quan tâm hơn đến vấn đề vệ sinh môi trường nông thôn, nhiều địa phương ngoài việc thu phí từ hộ dân, đã trích ngân sách để hỗ trợ việc tổ chức thuê công ty môi trường, các đội vệ sinh dịch vụ tổ chức thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, nhờ vậy đến nay tỉ lệ chất thải rắn ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt khoảng 52%.

- Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

Hoạt động sản xuất của các làng nghề, ngành nghề nông thôn ở tỉnh phần lớn mang tính tự phát, manh mún, sản xuất theo phương pháp thủ công, truyền thống, theo quy mô hộ gia đình, tập trung ở khu dân cư. Do vậy, tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành tham mưu lập quy hoạch tập trung đưa các làng nghề, ngành nghề gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Khối lượng rác thải ngày càng tăng lên, nhu cầu thu gom và xử lý rác lớn trong khi đó khâu xử lý rác chưa đảm bảo; Ý thức của một bộ phận nhân

dân còn hạn chế nên tình trạng vứt rác bừa bãi ra đường, sông suối vẫn còn diễn ra ở nhiều khu dân cư, người dân chưa tự phân loại rác để xử lý; một số địa phương tình trạng các hộ dân chăn nuôi gia súc để phân gia súc chảy tràn ra đường gây ô nhiễm và mất mỹ quan vẫn còn.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Đến 30/6/2020 số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cụ thể như sau:

+ Về số lượng: Hiện có 3.819 người, trong đó: 1.842 cán bộ, chiếm 48,2%, 1.977 công chức, chiếm 51,8%.

+ Về chất lượng:

Trình độ văn hóa: THPT 3.795 người, chiếm 99,37%; THCS 23 người 0,6%; Tiểu học 01 người, chiếm 0,03%.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Sau Đại học 53 người, chiếm 1,39%; đại học 2.607 người, chiếm 68,26%; cao đẳng 94 người, chiếm 2,46%; trung cấp 959 người chiếm 25,11%; sơ cấp và chưa qua đào tạo 106 người, chiếm 2,78%.

Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 105 người, chiếm 2,75%; trung cấp 2.788 người, chiếm 73%; sơ cấp 543 người, chiếm 14,2%; chưa qua đào tạo 383 người, chiếm 10,03%.

- Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

Trong 6 tháng đầu năm 2020 UBND tỉnh đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, chỉ số cải cách hành chính, phần lớn các cơ quan trên địa bàn tỉnh đều đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Thực hiện đẩy mạnh việc tuyên truyền vận động người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến; nộp hồ sơ và nhận kết quả qua đường bưu điện để nâng cao tỷ lệ trả kết quả hồ sơ thực hiện trực tuyến, hạn chế việc tập trung đông người để phòng, chống dịch bệnh. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và Bộ phận Một cửa cấp huyện, xã đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hầu hết TTHC thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và được Nhân dân đánh giá cao.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội:

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh

tiếp tục được giữ vững, ổn định. Các lực lượng chức năng đã chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện, xử lý kịp thời nhiều vụ việc liên quan đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong 6 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh đã điều tra, khám phá 257/271 vụ vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 94,83%.

Hàng năm Đảng ủy các xã có nghị quyết chuyên đề về công tác đảm bảo an ninh trật tự, trường Công an xã tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; Lực lượng công an xã được xây dựng và củng cố, phân loại thi đua đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

Kiên quyết không để xảy ra: Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng; Các hoạt động chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; Các hoạt động truyền đạo trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự, mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân.

- Kết quả thực hiện xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia:

Công tác tuyển quân được triển khai thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao. Xây dựng đảm bảo số lượng dân quân tự vệ năm 2020. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng khác bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu trọng điểm, tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển.

11. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

- UBND tỉnh: Đôn đốc các sở ngành, hội đoàn thể tỉnh bằng các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình.

- Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được phân công đã giúp đỡ, hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến tiêu chí phụ trách, đồng thời tổ chức làm việc cụ thể với các xã được phân công phụ trách trong năm 2020 để tư vấn, hỗ trợ xã hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Với nhiệm vụ là cơ quan Thường trực Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, đã chủ động phối hợp với các sở ngành hội đoàn thể tỉnh trong từng nội dung, lĩnh vực, tiêu chí do sở ngành phụ trách để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình;

Đã chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ Kiểm toán nhà nước, kiểm toán các chương trình MTQG năm 2019; Chuẩn bị nội dung, báo cáo và làm việc với Đoàn khảo sát Trung ương khảo sát xây dựng nông thôn mới tại một số xã khó khăn tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng

Chính phủ.

Chuẩn bị nội dung các báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;

Đã chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng kế hoạch và tổ chức làm việc với 19 xã theo kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020, qua đó đã đánh giá được tình hình cụ thể thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới tại địa phương trên, những tồn tại, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, nhằm tham mưu đề xuất UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh có chỉ đạo điều hành phù hợp để đảm bảo đến cuối năm 2020 hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Đối với UBND các huyện, thành phố:

UBND huyện, thành phố đã chỉ đạo các phòng, ban liên quan tích cực bám sát cơ sở để kiểm tra các hoạt động chuyên môn, tiến độ thực hiện đầu tư, nghiệm thu các công trình cơ sở hạ tầng ở cấp xã. Giao Văn phòng nông thôn mới huyện, thị xã, thành phố thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ UBND, Ban Chỉ đạo các xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

- Những khó khăn, vướng mắc:

Việc theo dõi, thống kê, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình ở một số huyện, thành phố còn rất chậm. Số liệu báo cáo chưa đầy đủ, gây khó khăn trong công tác tổng hợp, báo cáo của cấp tỉnh.

12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình 6 tháng đầu năm 2020: 1.251.604 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 564.820 triệu đồng, gồm:

+ Vốn sự nghiệp: 130.100 triệu đồng

+ Vốn đầu tư phát triển: 434.720 triệu đồng

- Vốn địa phương: 450.220 triệu đồng, gồm:

+ Ngân sách tỉnh: 323.662 triệu đồng

+ Ngân sách huyện, xã: 126.558 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép: 164.276 triệu đồng

- Vốn tín dụng: 54.864 triệu đồng

- Vốn doanh nghiệp: 2.661 triệu đồng

- Đóng góp của người dân: 14.763 triệu đồng

(Phụ biểu số 01 kèm theo)

b) Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo quy định.

6 tháng đầu năm 2020: 564.820 triệu đồng, trong đó:

- Vốn sự nghiệp: 130.100 triệu đồng, đã phân bổ:

+ Quản lý điều hành Chương trình 2.060 triệu đồng

+ Tuyên truyền, tập huấn NTM: 3.780 triệu đồng

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 7.000 triệu đồng

+ Duy tu bảo dưỡng công trình: 26.440 triệu đồng

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: 59.670 triệu đồng

+ Phát triển giáo dục nông thôn: 3.000 triệu đồng

+ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã: 1.200 triệu đồng

+ Khu dân cư kiểu mẫu: 15.000 triệu đồng

+ Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi, phát triển ngành nghề nông thôn, chương trình mỗi xã một sản phẩm: 5.500 triệu đồng

+ Hỗ trợ HTX: 5.500 triệu đồng

+ Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 950 triệu đồng

(Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

- Vốn đầu tư phát triển: 434.720 triệu đồng, trong đó:

+ Phân bổ thực hiện các dự án: 373.180 triệu đồng: Phân bổ theo đúng quy định tại Điều 3 Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ: Bố trí cho tất cả các xã có nhu cầu, trong đó ưu tiên cân đối mức vốn cao hơn cho 14 xã dưới 5 tiêu chí, các xã thuộc huyện nghèo 30a, xã nghèo 135, xã bãi ngang ven biển so với các xã còn lại.

+ Bố trí thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Thủ tướng chính phủ phê duyệt hoặc chỉ đạo: 61.540 triệu đồng.

(Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Phụ biểu số 02 kèm theo)

c) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

(Phụ biểu số 03 kèm theo)

d) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực

- Thuận lợi:

Trong điều kiện khó khăn về ngân sách, nhưng cùng với nguồn ngân sách trung ương, tỉnh đã ưu tiên cân đối, bố trí nguồn lực đáng kể cho việc thực hiện Chương trình.

Đã huy động đa dạng các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác như chương trình 30a, 135, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo...

Các huyện, xã đã chủ động bố trí ngân sách địa phương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. Chương trình được sự đồng thuận cao của người dân nông thôn thông qua việc tham gia hiến đất, công trình, vật kiến trúc để xây dựng đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây dựng trường học, nhà văn hóa.

- Khó khăn:

Nguồn lực địa phương bố trí cho xây dựng nông thôn mới vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu của các địa phương; việc huy động vốn trong dân, trong cộng đồng dân cư và của doanh nghiệp cho xây dựng nông thôn mới không đáng kể, chủ yếu trông chờ vào nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án khác trên địa bàn với xây dựng nông thôn mới chưa được thực hiện hiệu quả;

Công tác tổng hợp số liệu báo cáo về nguồn vốn: Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác, vốn huy động nhân dân, doanh nghiệp đóng góp, vốn tín dụng của các địa phương chưa đầy đủ và kịp thời, một số địa phương không tổng hợp được nguồn huy động khác gây khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo.

13. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

a) Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới:

- 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Huyện Nghĩa Hành

- Huyện Tư Nghĩa: Tổ khảo sát, Đoàn thẩm định Trung ương đã tổ chức khảo sát, thẩm định đánh giá mức độ xây dựng nông thôn mới của huyện 2 lần, vào các ngày 16/01 và 24/5/2020. Sau khảo sát, thẩm định, UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện một số nội dung và hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo theo góp ý thẩm định của Tổ khảo sát, Đoàn thẩm định Trung ương. Đến 30/6/2020 UBND tỉnh đã hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Dự kiến Hội đồng thẩm định Trung ương sẽ tổ chức họp, xem xét bỏ phiếu trình Thủ tướng Chính phủ vào tháng 8/2020.

- Huyện Lý Sơn: Đoàn thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới của

tỉnh đã tiến hành thẩm tra tại huyện ngày 08/5/2020. Sau khi có văn bản xác nhận đạt tiêu chí của các sở ngành tỉnh liên quan, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã xây dựng Báo cáo thẩm tra gửi UBND tỉnh, UBND tỉnh đã có văn bản lấy ý kiến của Mặt trận, các sở ngành, hội đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và nhân dân trên địa bàn tỉnh. Dự kiến trong tháng 8/2020 Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh sẽ hoàn chỉnh hồ sơ, nội dung báo cáo gửi UBND tỉnh để tổ chức họp Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét bỏ phiếu đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét khảo sát, thẩm định.

b) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố, kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới đến 30/6/2020:

- Số xã đạt số tiêu chí theo nhóm:

+ Nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí): 70 xã, trong đó 70 xã đã được công nhận đạt chuẩn, giảm 13 xã so với năm 2019¹.

+ Nhóm 2 (đạt từ 15 - 18 tiêu chí): 14 xã

+ Nhóm 3 (đạt từ 10 - 14 tiêu chí): 44 xã

+ Nhóm 4 (đạt từ 5 - 9 tiêu chí): 20 xã

+ Không còn xã dưới 5 tiêu chí

- Số xã đạt từng tiêu chí:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt (11 tiêu chí), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch): 148 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông): 142 xã, Tiêu chí 4 (Điện): 144 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): 140 xã, Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm): 137 xã, Tiêu chí 15 (Y tế): 117 xã, Tiêu chí 14 (Giáo dục và Đào tạo): 118 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): 143 xã, Tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư): 116 xã, Tiêu chí 16 (Văn hóa): 139 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất): 116 xã, Tiêu chí 3 (Thủy lợi): 121 xã, Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): 126 xã

+ Các tiêu chí có ít xã đạt (6 tiêu chí) gồm: Tiêu chí 11 (Hộ nghèo): 89 xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập): 90 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường và An toàn thực phẩm): 88 xã, Tiêu chí 5 (Trường học): 86 xã, Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa): 91 xã, Tiêu chí 2 (Giao thông): 94 xã.

- Số tiêu chí bình quân/xã: 15,17 (tăng 0,03 TC so với cuối 2019: 15,14)

(Phụ biểu số 04, 05 kèm theo)

¹ Đến cuối năm 2019 có 83 xã đạt chuẩn NTM, tuy nhiên Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 thời điểm ngày 01/02/2020 tỉnh Quảng Ngãi giảm 18 xã, trong đó giảm 13 xã đó được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

UBND tỉnh đã kịp thời trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bổ sung xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 vào Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020, ban hành các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Chương trình năm 2020.

Đã ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư cho các địa phương đăng ký phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020, tạo điều kiện cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đề ra;

Phân công các sở ngành, hội đoàn thể tỉnh theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các xã, huyện kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới 2020;

Các cơ quan truyền thông đại chúng đã tuyên truyền, phản ánh các sự kiện thời sự, các điển hình tiên tiến về xây dựng nông thôn mới. Các hội đoàn thể cũng thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức khác nhau, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới;

Công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã được quan tâm đầu tư; các nội dung về văn hóa, xã hội, giáo dục, môi trường từng bước được quan tâm, góp phần làm cho đời sống tinh thần của người dân nông thôn phát triển theo hướng lành mạnh hơn, văn minh hơn; hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường và củng cố; an ninh trật tự, an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Một số cán bộ hợp đồng chuyên trách nông thôn mới các huyện, thị xã, TP nghỉ việc, viên chức theo dõi nông thôn mới chuyển đơn vị công tác ... dẫn đến việc theo dõi, tổng hợp báo cáo của các địa phương chưa đầy đủ và đảm bảo thời gian quy định, gây khó khăn trong công tác tổng hợp, báo cáo cũng như trong tham mưu chỉ đạo điều hành thực hiện chương trình;

- Nhân sự trong các tổ chức chỉ đạo, điều hành, bộ máy quản lý, giúp việc, thực hiện Chương trình các cấp thường xuyên biến động thay đổi làm cho công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi thực hiện thiếu tính liên tục, kịp thời;

- Các xã càng về sau, càng nhiều khó khăn, nhu cầu đầu tư lớn trong khi vốn trung ương, tỉnh đầu tư cho chương trình vẫn chưa đủ đáp ứng yêu cầu, nguồn lực của các địa phương hạn chế, các nguồn huy động khác như tín dụng, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư cho xây dựng nông thôn mới không đáng kể;

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn của một số sở, ngành còn chậm, chưa tích cực hỗ trợ các xã được phân công phụ trách, phần lớn các sở, ngành chưa thực hiện báo cáo định kỳ.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các xã chưa kịp thời.

Phần thứ hai **KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**

I. MỤC TIÊU

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 19 xã (lũy kế 89 xã), bao gồm các xã: Bình Đông, Bình Tân Phú, Bình Thanh, Bình Chương, Bình Hòa, Tịnh Thọ, Tịnh Bình, Tịnh Hiệp, Đức Lân, Đức Phong, Phổ Châu, Phổ Phong, Tịnh Thiện, Nghĩa Dũng, Nghĩa Đông, Ba Cung, Thanh An, Trà Phú, Sơn Hạ.

2. Số tiêu chí bình quân/xã: 16,5

3. Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện, bao gồm: Tư Nghĩa, Lý Sơn (lũy kế 03 huyện).

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Các ngành, đơn vị và địa phương tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến cán bộ và nhân dân, thay đổi dần ý thức từ thụ động sang tự giác thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của mình. Tiếp tục tổ chức công tác tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp năm 2020.

2. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc huyện Lý Sơn và 19 xã theo kế hoạch đạt chuẩn năm 2020 hoàn thành nội dung các tiêu chí, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới:

- Đối với các tiêu chí đã đạt các huyện, xã khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định tại Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Sở tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Các tiêu chí chưa đạt, các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành nội dung theo quy định, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được phân công chủ động giúp các xã tháo gỡ khó khăn liên quan đến tiêu chí phụ trách để các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo đúng kế hoạch

đề ra.

3. Về phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo yêu cầu tại Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, xây dựng dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Tập trung đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển ngành nghề, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút đầu tư vào phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng việc xây dựng các công trình hạ tầng cơ bản tại các xã, thôn gắn với phát triển sản xuất, đời sống hằng ngày của người dân. Mỗi xã, huyện căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu lựa chọn một số hạng mục để tập trung ưu tiên triển khai, tạo chuyển biến đột phá trên phạm vi xã, huyện.

4. Về xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu

Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn 50 thôn thực hiện các nội dung xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu năm 2020. Các thôn đã được phê duyệt năm 2019, tiếp tục hoàn thành nội dung các tiêu chí, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để công nhận Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

5. Về huy động nguồn lực

- Tiếp tục huy động và đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện Chương trình, lồng ghép tốt nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác với Chương trình nông thôn mới để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội ở cấp xã; Tăng cường các hình thức xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động bảo vệ và xử lý môi trường, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nước sạch, văn hóa thể thao.

- Tiếp tục huy động người dân nông thôn đóng góp công sức, tiền của xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, trọng tâm là các công trình quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp như đường thôn, ngõ xóm, nhà văn hóa và khu thể thao thôn. Việc huy động sức dân phải tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, không quy định bắt buộc, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương trên cơ sở cộng đồng và người dân bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư. Tăng cường kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn các xã đẩy nhanh tiến

độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư Chương trình, tránh để mất vốn, kiên quyết không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

6. Tham mưu trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành: Kế hoạch thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới, Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025; các cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025.

7. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Trung ương xét, công nhận huyện Lý Sơn đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Tổ chức thẩm định đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020. Hợp Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét bỏ phiếu công nhận xã đạt chuẩn năm 2020 theo kế hoạch.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tỉnh sớm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 ngay từ năm đầu kế hoạch, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

- Sớm phê duyệt Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, Ban hành Bộ tiêu chí, các cơ chế, chính sách, vốn ... để các tỉnh, thành phố có cơ sở xây dựng kế hoạch phù hợp với thực tế địa phương;

- Cần quy định lại chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng nông thôn mới các cấp và hướng dẫn thực hiện cụ thể để các địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- BCĐTW Chương trình MTQGXDNTM;
- Các Bộ: NN và PTNT, KH&ĐT, TC;
- VPĐP TW Chương trình MTQGXDNTM;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN và PTNT, KH&ĐT, TC;
- VPĐP NTM tỉnh;
- CPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNtv183.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bình

Phụ biểu số 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 148 /BC-UBND ngày 05 /8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kết quả huy động 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020
	TỔNG SỐ	2.960.470	1.251.604	1.708.866
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	564.820	564.820	-
1	Trái phiếu Chính phủ			-
2	Đầu tư phát triển	434.720	434.720	-
3	Sự nghiệp	130.100	130.100	-
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	645.650	450.220	195.430
1	Tỉnh	402.650	323.662	78.988
2	Huyện	210.000	120.053	89.947
3	Xã		6.505	26.495

		33.000			
III	VÓN LÔNG GHÉP	600.000	164.276		435.724
IV	VÓN TÍN DỤNG	1.000.000	54.864		945.136
V	VÓN DOANH NGHIỆP	50.000	2.661		47.339
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	100.000	14.763		85.237

Phụ biểu số 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN DẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 148 /BC-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	434.720	434.720		
1	Giao thông	145.375	146.723		
2	Thủy lợi	84.953	84.953		
3	Điện	6.780	4.156		
4	Trường học	73.540	73.940		
5	CSVV Văn hóa	52.440	52.792		
6	Cơ sở hạ tầng thương mại	3.200	3.200		
7	Trạm y tế xã	490	490		
8	Công trình cung cấp nước sạch	2.732	3.756		

9	Công trình xử lý môi trường					
10	Khác	65.210	64.710			

	6.471	3.170	3.170	3.170	2.350	713	238			
5.9	69	-						69		
5.10	1.290	490		490				800		
5.11	24.146	3.756		3.756	20.000	40		350		
5.12	1.600	-			1.000	600				
5.13	65.397	61.540		61.540				3.857		
6	94.702	59.720		59.720	34.220				161	601
7	47.244	-						17.244	30.000	
8	-	-								
9	5.982	5.500		5.500	400	82				
10	4.799	1.599		1.599					3.200	
11	500	500		500						
12	6.500	6.500		6.500						
13	3.000	3.000		3.000						
14	24.324	-			2.660				21.664	
15	2.730	-			2.730					

16	Vệ sinh môi trường nông thôn	6.381	950			950	3.500	1.870	30				31	
17	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	-	-											
18	Đào tạo cho công chức xã	1.200	1.200			1.200								
19	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	300	-				300							
20	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	41.193	26.440			26.440	12.753	2.000						
21	Khu dân cư kiểu mẫu	28.000	15.000			15.000	10.000	3.000						
22	Chương trình môi xã một sản phẩm	3.851	3.851			3.851								
23	Nội dung khác (nếu có)	53.150	-				47.960					2.500	2.690	
Tổng		1.251.604	564.820			434.720	130.100	323.662	120.053	6.505	164.276	54.864	2.661	14.763

Phụ biểu số 04

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VÀ XÃ
NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**
(Kèm theo Báo cáo số: 148 /BC-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	MỤC TIÊU	Kết quả năm 2019	Kết quả thực hiện đến 30/6/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	15,14	15,17	16,5	
2	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn	10,81	11,2	12,53	
3	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã				
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	83	70	89	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	1	0	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	1	5	0	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	3	3	5	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	7	5	9	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	12	11	15	

	Số xã đạt 13 tiêu chí		6	5	10	
	Số xã đạt 12 tiêu chí		6	6	3	
	Số xã đạt 11 tiêu chí		6	11	2	
	Số xã đạt 10 tiêu chí		14	11	4	
	Số xã đạt 09 tiêu chí		9	8	7	
	Số xã đạt 08 tiêu chí		14	11	4	
	Số xã đạt 07 tiêu chí		2	1	0	
	Số xã đạt 06 tiêu chí		0	0	0	
	Số xã đạt 05 tiêu chí		1	0	0	
	Số xã đạt 04 tiêu chí		0	0	0	
	Số xã đạt 03 tiêu chí		0	0	0	
	Số xã đạt 02 tiêu chí		0	0	0	
	Số xã đạt 01 tiêu chí		0	0	0	
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí					
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	164	148	148	148	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	109	94	94	109	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	139	121	121	134	

Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	159	144	148
Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	95	86	103
Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa	98	91	105
Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	158	143	146
Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông	152	142	146
Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	128	116	138
Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	95	90	107
Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	99	89	87
Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm	148	137	146
Số xã đạt tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất	130	116	125
Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo	132	118	136
Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	132	117	125
Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa	153	139	147
Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	99	88	103
Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	137	126	138
Số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh	156	140	144

8	Nghĩa An	19	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19		
9	Nghĩa Hà	16	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19		
10	Tỉnh Ân Đông	15	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19		
11	Tỉnh Hòa	16	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19		
12	Tỉnh Thiện	14	x		x	x														16		
13	Nghĩa Dũng	14	x																	14		
14	Nghĩa Đông	14	x	x																14		
VIII	Huyện Ba Tư	9,06	18	7	9	15	8	8	17	16	12	1	1	18	3	5	4	17	2	11	18	10,56
1	Xã Ba Bích	9	x			x	x		x	x				x			x	x		x	x	10
2	Xã Ba Cung	14	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x						x	x	14
3	Xã Ba Điền	11	x	x	x	x			x	x	x			x						x	x	14
4	Xã Ba Đình	8	x			x	x	x	x	x	x			x						x	x	13
5	Xã Ba Đông	19	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x						x	x	12
6	Xã Ba Giang	6	x		x				x	x	x			x						x	x	19
7	Xã Ba Khâm	6	x			x			x	x	x			x						x	x	8
8	Xã Ba Lễ	6	x		x	x			x	x	x			x						x	x	8
9	Xã Ba Liên	14	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x						x	x	10
10	Xã Ba Nam	7	x	x					x		x			x						x	x	15
11	Xã Ba Ngạc	10	x		x	x	x	x	x	x	x			x						x	x	8
12	Xã Ba Thành	8	x						x	x	x			x						x	x	12
13	Xã Ba Tiêu	7	x			x			x	x				x						x	x	8
14	Xã Ba Tô	8	x	x	x	x			x	x				x						x	x	8
15	Xã Ba Trang	7	x			x			x					x						x	x	8
16	Xã Ba VI	8	x	x		x	x	x	x					x						x	x	9
17	Xã Ba Vinh	7	x		x	x			x	x	x			x						x	x	9
18	Xã Ba Xa	8	x			x	x		x	x	x			x						x	x	10

6	Xã Sơn Tân	10	X	X						X											X	X		11
7	Xã Sơn Mậu	10	X		X	X					X	X									X	X		10
8	Xã Sơn Tĩnh	13	X	X	X	X					X	X									X	X		13
9	Xã Sơn Lập	12	X	X	X	X				X	X										X	X		12
XII	Huyện Trà Bồng	7,33	15	6	13	15	15	1	2	15	12	2	2	1	12	3	14	7	12	2	12	12	15	
1	Xã Trà Bình	19	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
2	Xã Trà Phú	17	X	X	X	X			X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	17
3	Xã Trà Sơn	10	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	10
4	Xã Trà Thủy	10	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	11
5	Xã Trà Giang	12	X	X	X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	11
6	Xã Trà Lâm	10	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	11
7	Xã Trà Hiệp	11	X	X	X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	11
8	Xã Trà Tân	11	X	X	X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	11
9	Xã Trà Bui	10	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	10
10	Xã Sơn Trà	7	X			X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	9
11	Xã Trà Tây	8	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	8
12	Xã Hương Trà	7	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	8
13	Xã Trà Xinh	5	X			X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	7
14	Xã Trà Phong	9	X		X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	9
15	Xã Trà Thanh	7	X	X	X	X				X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	11
Số xã đạt từng TC			14	94	12	14	86	91	14	14	11	90	89	13	11	11	11	13	88	12	14	14	2245	
Số tiêu chí bình quân		15,14	8		1	4			3	2	6			7	6	8	7	9	6		0		15,17	
																							10,87	